

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam

Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An

ĐT : 072 . 3849932-33 Fax : 072. 3849931

Mã số thuế : 1 1 0 0 6 8 2 2 9 1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2013

Kết thúc vào ngày 30/06/2013

NỘI DUNG

- | | |
|--|------------|
| 1 - Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013 | : 03 trang |
| 2 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2013 | : 01 trang |
| 3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến 30/06/2013 | : 01 trang |
| 4 - Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2013 | : 12 trang |

Tháng 07 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013Báo cáo tài chính Quý II năm 2013
Mẫu số: Q - 01d
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2013)	Số đầu kỳ (31/03/2013)
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8 160 141 593	11 194 518 963
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1 652 522 641	1 287 943 981
1. Tiền	111	V.01	1 652 522 641	1 287 943 981
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		60 041 117	152 385 136
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		1 592 481 524	1 135 558 845
- Tiền đang chuyển	11C			
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4 493 143 064	7 534 409 828
1. Phải thu của khách hàng	131		17 695 669 018	21 017 924 427
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	55 263 588	58 465 264
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-13 257 789 542	-13 541 979 863
IV. Hàng tồn kho	140		1 299 406 800	1 336 794 416
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1 299 406 800	1 336 794 416
- Hàng mua đang đi trên đường	148			46 352 545
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		520 481 123	755 937 754
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143			
- Chi phí SXKD dở dang	144		534 504 117	534 504 117
- Hàng gửi đi bán	147		244 421 560	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		715 069 088	1 035 370 738
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		220 700 316	528 806 512
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		118 729 628	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	19 399 285	19 399 285
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		356 239 859	487 164 941
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		15 088 646 190	15 683 455 393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		8 291 650 850	8 869 035 382
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	6 076 813 295	6 641 169 370
- Nguyên giá	222		17 998 953 395	18 072 089 252
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-11 922 140 100	-11 430 919 882
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2013)	Số đầu kỳ (31/03/2013)
1	2	3	4	5
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	2 214 837 555	2 227 866 012
- Nguyên giá	228		2 605 691 260	2 605 691 260
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 390 853 705	- 377 825 248
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6 796 995 340	6 796 995 340
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7 398 995 340	7 398 995 340
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		- 602 000 000	- 602 000 000
V. Tài sản dài hạn khác (260=261+262+268)	260			17 424 671
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		17 424 671
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		23 248 787 783	26 877 974 356
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		20 817 613 056	22 146 586 753
I. Nợ ngắn hạn (310=311+312+313+314+315+316+317+318+319+320)	310		20 817 613 056	22 146 586 753
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	6 996 685 024	8 519 638 753
- Vay ngắn hạn			6 996 685 024	8 519 638 753
- Nợ dài hạn đến hạn trả				
2. Phải trả cho người bán	312		10 854 537 831	11 076 704 405
3. Người mua trả tiền trước	313		1 312 140 000	977 118 000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	622 481 224	586 043 007
5. Phải trả người lao động	315		107 681 883	115 873 531
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	924 087 094	871 209 057
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn (330=331+332+333+334+335+336+337)	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
- Vay dài hạn	327			
- Nợ dài hạn	328			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		2 431 174 727	4 731 387 603
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2 431 174 727	4 731 387 603
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27 482 700 000	27 482 700 000

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2013)	Số đầu kỳ (31/03/2013)
1	2	3	4	5
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2 027 762 786	2 027 762 786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1 134 499 474	1 134 499 474
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-28 213 787 533	-25 913 574 657
- Lãi chưa phân phối	41A		-28 213 787 533	-25 913 574 657
- Lãi lỗ chưa kết chuyển trong kỳ	41B			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	42A			
- Chi sự nghiệp	42B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439			
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	440		23 248 787 783	26 877 974 356

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ Tiêu				
1. Tài sản thuê ngoài	01	V.24		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án	06			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Vũ Xuân Mạch

Ngày 16 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)


Phạm Văn Tiến



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ II NĂM 2013

Báo cáo tài chính Quý II năm 2013
Mẫu số: Q - 02d
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/06/2013	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/06/2012
1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.847.016.820	8.686.650.467	13 159 912 091	17 108 153 291
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	4.847.016.820	8.686.650.467	13 159 912 091	17 108 153 291
4. Giá vốn hàng bán	11	5.788.396.212	9.333.003.649	14 161 457 202	19 631 697 997
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20	-941.379.392	-646.353.182	-1 001 545 111	-2 523 544 706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.364.017	52.660.259	37 754 928	124 976 338
7. Chi phí tài chính	22	269.612.771	684.636.652	609 288 544	1 361 623 123
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23	269.612.771	684.636.652	609 288 544	1 361 623 123
8. Chi phí bán hàng	24	131.611.491	202.503.210	255 243 780	457 392 272
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	353.578.885	2.185.519.503	881 765 045	2 956 085 136
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]	30	-1.689.818.522	-3.666.352.288	-2 710 087 552	-7 173 668 899
11. Thu nhập khác	31	41.109.091	163.185.487	1 023 093 258	1 232 281 297
12. Chi phí khác	32	651.503.445	145.855.162	1 393 673 149	1 700 099 266
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	-610.394.354	17.330.325	- 370 579 891	- 467 817 969
14. Phần lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45				
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50	-2.300.212.876	-3.649.021.963	-3 080 667 443	-7 641 486 868
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51-52)	60	-2.300.212.876	-3.649.021.963	-3 080 667 443	-7 641 486 868
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61				
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62				
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	- 837	- 1 328	- 1 121	- 2 780

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

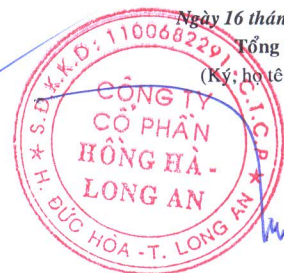
Ngày 16 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)


Phan Văn Vàng


Vũ Xuân Mạch




Phạm Văn Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày: 01/01/2013 đến ngày: 30/06/2013

Báo cáo tài chính Quý II năm 2013
Mẫu số: Q - 03d
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2012
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01		18 939 439 985	27 980 551 757
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-3 512 474 461	-2 536 525 562
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-1 109 388 102	-1 537 421 225
4. Tiền chi trả lãi vay	04		- 609 437 442	-1 361 603 123
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản khác cho nhà nước	05		- 220 196 530	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1 646 599 082	2 885 032 614
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-1 136 118 226	-2 244 936 713
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20+30+40)	20		13 998 424 306	23 185 097 748
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			1 198 000 000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-2 220 000 000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			1 050 000 000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		- 55 000 000	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1 413 000 000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37 754 928	124 976 338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1 395 754 928	152 976 338
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		300 000 000	808 000 000
4. Tiền chi trả nợ trả nợ gốc vay	34		-15 112 141 887	-24 441 190 235
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			- 549 945 207
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-14 812 141 887	-24 183 135 442
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50		582 037 347	- 845 061 356
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1 070 485 294	2 435 538 115
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	1 652 522 641	1 590 476 759

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 16 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)


Phan Văn Vàng


Vũ Xuân Mạch




Phạm Văn Tiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01 tháng 04 đến 30 tháng 06 năm 2013

Báo cáo tài chính Quý II năm 2013
Mẫu số: **Q - 09d**
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo biên bản thỏa thuận số 01/05/BB-HHLA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100682291 (số cũ 5003000119) ngày 14/09/2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 08/12/2010 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Long An cấp.

2- Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh

3- Ngành nghề kinh doanh

- 1- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành : 4290 chính)
- 2- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (mã 46204).
- 3- Bán buôn thủy sản (mã ngành 46322).
- 4- Bán buôn gạo (mã ngành 46310).
- 5- Bán lẻ thủy trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành : 47222).
- 6- *Xây dựng, xây lắp, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình giao thông thủy lợi, cấp thoát nước, Xử lý môi trường, Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản, Kinh doanh bất động sản Cung cấp , lắp đặt đường dây trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh, Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hoá chất (Trừ hoá chất có tính độc hại mạnh). Mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hoá. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí. Bán buôn hóa chất. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh.*

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không thay đổi nào làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý II năm 2013.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán *Việt nam đồng (VND)*

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà Nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành áp dụng.

3- Hình thức kế toán áp dụng: *Nhật ký chung được thực hiện trên phần mềm máy vi tính*

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

-Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu và chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

-Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 Theo đó. Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng hóa tồn kho

-Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho.

-Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Kiểm kê định kỳ

-Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

-Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

-Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

-Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
-Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
-Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
-Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
-Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
-Tài sản cố định vô hình	50 năm
-Tài sản thuê tài chính	06 - 10 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

-Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

-Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở

kinh doanh đồng kiểm soát

-Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

-Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

-Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

-Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

-Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác.

-Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính : VND

01 -TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
- Tiền mặt	60.041.117	152.385.136
- Tiền gửi ngân hàng	1.592.481.524	1.135.558.845
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền		1.358.000.000
Cộng	1.652.522.641	2.645.943.981
Ghi chú : -Số dư tiền mặt tại quý khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 30/06/2013. -Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 30/06/2013.		
02 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng		
03 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
- Phải thu khách hàng	17.695.669.018	21.017.924.427
- Trả trước cho người bán	0	0
- Các khoản phải thu khác	55.263.588	58.465.264
+ Phải thu khác (nợ TK 338)	6.873.815	6.873.815
+ Thuế TNCN phải thu người lao động	38.875.522	39.203.822
+ Phải thu người lao động tiền BHXH	9.514.251	12.387.627
+ Phải thu khác người lao động		
+ Phải thu của người bán		
+ Phải thu khác		
- Dự phòng phải thu khó đòi	-13.257.789.542	-13.541.979.863
Cộng	4.493.143.064	7.534.409.828
04 - Hàng tồn kho	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

+ Giá gốc hàng tồn kho	1.299.406.800	1.336.794.416
- Hàng mua đi đường		46.352.545
- Nguyên liệu ,vật liệu tồn kho	520.481.123	628.450.254
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	534.504.117	534.504.117
- Hàng gửi đi bán (*)	244.421.560	
- Thành phẩm		
- Hàng hóa		127.487.500
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	1.299.406.800	1.336.794.416

-Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ khớp với biên bản kiểm kê kho tại ngày 30/06/2013.

-(*) : Giá trị trên chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (đầu kỳ và cuối kỳ) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc 30/06/2013 nhưng chưa được khách hàng xác nhận và hồ sơ liên quan để phát hành hóa đơn, đơn vị treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đơn vị sẽ xuất hóa đơn để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn. Giá trị này thực chất không phải là chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.

-Trong số dư chi phí SXKD dở dang cuối kỳ có 534.504.117 đồng là khoản chi phí lắp đặt trạm trộn bê tông 30 m³/h cho Cty Cổ Phần Đầu tư & XD Công Nghệ 10 theo hợp đồng kinh tế số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 30/06/2013 vẫn chưa quyết toán xong với khách hàng.

05 -CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
-Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	6.200.414	13.340.114
-Chi phí sửa chữa và mua bảo hiểm MMTB	214.499.902	515.466.398
-Chi phí khác		

Cộng	220.700.316	528.806.512
-------------	--------------------	--------------------

06 -TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
-Các khoản tạm ứng cá nhân	356.239.859	487.164.941

Cộng	356.239.859	487.164.941
-------------	--------------------	--------------------

07 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	19.399.285	19.399.285
- Thuế GTGT được khấu trừ	118.729.628	
- Các khoản khác phải nộp Nhà nước		

Cộng	138.128.913	19.399.285
-------------	--------------------	-------------------

08 - Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	3.202.543.682	4.912.805.412	9.507.665.352	183.546.612	192.393.337	17.998.954.395
Số dư đầu quý	3.202.543.682	4.912.805.412	9.580.800.209	183.546.612	192.393.337	18.072.089.252
-Mua trong quý						0
-Đầu tư XDCB hoàn thành						0
-Tăng khác						0
-Chuyển sang BĐS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán			73.134.857			73.134.857
-Giảm khác						0
Số dư cuối quý	3.202.543.682	4.912.805.412	9.507.665.352	183.546.612	192.393.337	17.998.954.395
Giá trị hao mòn lũy kế	2.096.782.371	3.216.335.093	6.325.662.350	176.456.155	105.816.282	11.921.052.251
Số dư đầu quý	2.019.951.054	3.060.103.046	6.073.497.069	175.274.413	101.006.451	11.429.832.033
-Khấu hao trong quý	76.831.317	156.232.047	296.809.002	1.181.742	4.809.831	535.863.939
-Tăng khác						0
-Chuyển sang BĐS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán			44.643.721			44.643.721
-Giảm khác						0

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Số dư cuối quý	2.096.782.371	3.216.335.093	6.325.662.350	176.456.155	105.816.282	11.921.052.251
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	1.105.761.311	1.696.470.319	3.182.003.002	7.090.457	86.577.055	6.077.902.144
-Tại ngày đầu quý	1.182.592.628	1.852.702.366	3.507.303.140	8.272.199	91.386.886	6.642.257.219
-Tại ngày cuối quý	1.105.761.311	1.696.470.319	3.182.003.002	7.090.457	86.577.055	6.077.902.144

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

09 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu quý						-
-Thuê tài chính trong quý						-
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác						-
Số dư cuối quý		-	-			-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu quý						-
-Khấu hao trong quý						-
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác						-
Số dư cuối quý		-				-
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
-Tại ngày đầu năm		-	-			-
-Tại ngày cuối năm		-				-

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Quyền sử dụng đất	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				2.605.691.260		2.605.691.260
Số dư đầu Quý				2.605.691.260		2.605.691.260
-Mua trong quý						0
-Tạo ra từ nội bộ DN						0
-Tăng do hợp nhất kinh doanh						0
-Tăng khác						0
-Thanh lý, nhượng bán						0
-Giảm khác						0
Số dư cuối năm				2.605.691.260		2.605.691.260
Giá trị hao mòn lũy kế				390.853.704		390.853.704
Số dư đầu quý				377.825.247		377.825.247
-Khấu hao trong quý				13.028.457		13.028.457
-Tăng khác						0
-Thanh lý, nhượng bán						0
-Giảm khác						0
Số dư cuối quý				390.853.704		390.853.704

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				2.214.837.556		2.214.837.556
-Tại ngày đầu năm				2.227.866.013		2.227.866.013
-Tại ngày cuối năm				2.214.837.556		2.214.837.556

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**Số cuối quý (30/06/2013)****Số đầu quý (31/03/2013)**

- Tổng số chi phí XDCB dở dang

Trong đó (những công trình lớn)

+ NM BTHHBR-VT số 1

12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm	
Nguyên giá BĐS đầu tư						
-Quyền sử dụng đất						
-Nhà						
-Nhà và quyền sử dụng đất						
-Cơ sở hạ tầng						
Giá trị hao mòn lũy kế						
-Quyền sử dụng đất						
-Nhà						
-Nhà và quyền sử dụng đất						
-Cơ sở hạ tầng						
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư						
-Quyền sử dụng đất						
-Nhà						
-Nhà và quyền sử dụng đất						
-Cơ sở hạ tầng						

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

13 - Đầu tư dài hạn khác**Số cuối quý (30/06/2013)****Số đầu quý (31/03/2013)**

-Đầu tư cổ phiếu (a)

7.398.995.340

7.398.995.340

-Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (b)

-602.000.000

-602.000.000

Cộng**6.796.995.340****6.796.995.340**

(a) - Là giá trị đầu tư cổ phiếu vào các Công ty sau :

Tên cổ phiếu	30/06/2013		31/03/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP XD & KD Địa ốc Tân Kỳ	33	145.340	33	145.340
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP ĐT & PT Hồng Hà	679.685	6.796.850.000	679.685	6.796.850.000
- Đầu tư CP Công ty CP Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu	60.200	602.000.000	60.200	602.000.000
Cộng		7.398.995.340		7.398.995.340

Ghi chú :

(b) - Là giá trị dự phòng tổn thất đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ Phần Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu.

số tiền là : -602.000.000 đ

14 - TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**Số cuối quý (30/06/2013)****Số đầu quý (31/03/2013)**

- Ký quỹ thuê tài chính -

-Đặt cọc thuê mặt bằng NMBTHHLA số 2

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Thế chấp tài sản Ngân hàng ĐT & TP - CN Phú Nhuận

Cộng	0	0
15 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
- Vay ngắn hạn	6.996.685.024	8.519.638.753
+Vay ngắn hạn NH ĐT & PT - CN Phú Nhuận	5.556.685.024	6.679.638.753
+Vay ngắn hạn		
+Vay ngắn hạn của các cá nhân	1.440.000.000	1.840.000.000
* Phạm Văn Tiến	1.100.000.000	1.800.000.000
* Trác Văn Thanh	340.000.000	40.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
+Ngân hàng ĐT & PT - CN Phú Nhuận		
-Phải trả người bán	10.854.537.831	11.076.704.405
-Người mua trả trước	1.312.140.000	977.118.000
-Phải trả tiền lương người lao động	107.681.883	115.873.531
Cộng	19.271.044.738	20.689.334.689

Ghi chú :

-Số dư các khoản vay ngân hàng khớp với xác nhận của ngân hàng tại ngày 30/06/2013.

-Số dư khoản vay các cá nhân khớp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 30/06/2013.

-Số dư phải trả người bán khớp với biên bản xác nhận công nợ tại ngày 30/06/2013.

16 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
- Thuế giá trị gia tăng	473.173.440	476.041.736
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu	3.374.136	6.185.916
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên	167.040	2.882.540
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác	145.766.608	100.932.815
-Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	622.481.224	586.043.007

17 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
-Chi phí lãi vay vốn cố định		
-Chi phí thuê bơm bê tông		
-Chi phí thí nghiệm mẫu		
-Chi phí phải trả khác		
Cộng	0	0

18 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	537.252.733	527.408.124
- Bảo hiểm xã hội	122.092.949	63.336.988
- Bảo hiểm y tế	27.258.295	18.858.261
- Bảo hiểm thất nghiệp	10.134.935	4.634.223
- Phải trả cổ tức (cổ đông)	60.460.000	60.460.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.000.000	70.500.000
- Các khoản phải trả khác	110.888.182	126.011.461
-Thuế TNCN được miễn phải trả người môi giới		
Cộng	924.087.094	871.209.057

19 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	Số cuối quý (30/06/2013)	Số đầu quý (31/03/2013)
a - Vay dài hạn	-	-
+Vay dài hạn ngân hàng ĐT & TP - CN Phú Nhuận		
- Trái phiếu phát hành		

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

b - Nợ dài hạn

+Thuê tài chính - Cty Cho thuê Tài chính

Cộng**c - Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm nay (Quý II/2013)				Năm trước (Quý II/2012)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc		Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 01 năm trở xuống							
Trên 1 năm đến 5 năm	0				266.949.551	22.848.419	244.101.132
Trên 5 năm							

20 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Số cuối quý (30/06/2013)Số đầu quý (31/03/2013)

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**Số cuối quý (30/06/2013)Số đầu quý (31/03/2013)

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

21 - Vốn chủ sở hữu**a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (LN chưa PP)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	NV đầu tư XDCVB	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000		(11.000.964.488)		2.027.762.786	1.134.499.474		19.643.997.772
-Tăng vốn trong năm trước								-
-Lãi trong năm trước								-
-Tăng khác								-
-Giảm vốn trong năm trước								-
-Lỗ trong năm trước			14.132.155.602					14.132.155.602
-Giảm khác								-

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	27.482.700.000	-	(25.133.120.090)	-	2.027.762.786	1.134.499.474	-	5.511.842.170
-Tăng vốn trong năm nay								-
-Lãi trong năm nay								-
-Tăng khác								-
-Giảm vốn trong năm nay								-
-Lỗ trong năm nay			3.080.667.443					3.080.667.443
-Giảm khác								-
Số dư cuối năm nay	27.482.700.000	-	(28.213.787.533)	-	2.027.762.786	1.134.499.474	-	2.431.174.727

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước

- Vốn góp của các cổ đông

(Bao gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác)

Số cuối quý (30/06/2013)Số đầu quý (31/03/2013)

27.482.700.000

27.482.700.000

Cộng**27.482.700.000****27.482.700.000****c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Số cuối quý (30/06/2013)Số đầu quý (31/03/2013)

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

27.482.700.000

d - Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

d - Cổ phiếuSố cuối quý (30/06/2013)Số đầu quý (31/03/2013)

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

2.748.270

2.748.270

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

2.748.270

2.748.270

+ Cổ phiếu phổ thông

2.748.270

2.748.270

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

2.748.270

2.748.270

+ Cổ phiếu phổ thông

2.748.270

2.748.270

+ Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

(10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng/cổ phiếu)

e - Các quỹ của doanh nghiệpSố cuối quý (30/06/2013)Số đầu quý (31/03/2013)

- Quỹ đầu tư phát triển

2.027.762.786

2.027.762.786

- Quỹ dự phòng tài chính

1.134.499.474

1.134.499.474

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay (Quý II/2013)</u>	<u>Năm trước (Quý II/2012)</u>
22 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 01)	4.847.016.820	8.686.650.467
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	4.847.016.820	8.686.650.467
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Cộng	4.847.016.820	8.686.650.467
23 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (Mã số 02)	Năm nay (Quý II/2013)	Năm trước (Quý II/2012)
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
24 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 10)	Năm nay (Quý II/2013)	Năm trước (Quý II/2012)
Trong đó		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	4.847.016.820	8.686.650.467
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
Cộng	4.847.016.820	8.686.650.467
25 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN (Mã số 11)	Năm nay (Quý II/2013)	Năm trước (Quý II/2012)
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.788.396.212	9.333.003.649
Cộng	5.788.396.212	9.333.003.649
26 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Mã số 21)	Năm nay (Quý II/2013)	Năm trước (Quý II/2012)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.364.017	52.660.259
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Chiết khấu thanh toán được hưởng		
- Thu nhập về hoạt động mua bán chứng khoán		
- Doanh hoạt động tài chính khác		
Cộng	6.364.017	52.660.259
27 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Mã số 22)	Năm nay (Quý II/2013)	Năm trước (Quý II/2012)
- Chi phí lãi vay vốn cố định (vay dài hạn NH)		
- Chi phí lãi vay vốn lưu động (vay ngắn hạn NH)	179.651.128	575.032.070
- Chi phí lãi thuê tài chính		22.848.419
- Chi phí lãi vay cá nhân và các đối tượng khác	89.961.643	86.756.163
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	269.612.771	684.636.652
28 - CHI PHÍ THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ (Mã số 51)	Năm nay (Quý II/2013)	Năm trước (Quý II/2012)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-2.300.212.876	-3.649.021.963
-Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
-Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-2.300.212.876	-3.649.021.963
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
-Chi phí thuế TNDN hoãn lại (Mã số 52)		
-Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-2.300.212.876	-3.649.021.963

Ghi chú :

-Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của từng nhà máy trên tổng doanh thu.

-Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 2 và nhà máy 3 là 25%

-Công ty đang trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN.

29 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013**Năm nay (30/06/2013)**

1 -Lợi nhuận năm 2012 còn lại chưa phân phối chuyển sang	-25.133.120.090
2 -Lợi nhuận kinh doanh quý I năm 2013	-780.454.567
3 -Lợi nhuận kinh doanh quý II năm 2013	-2.300.212.876
4 -Tổng lợi nhuận đến 30/06/2013 (=1+2+3)	-28.213.787.533
-Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế	0
+Chi phí khác	
+Trích lập các quỹ	0
-Quỹ dự phòng tài chính (5%)	
-Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	
-Quỹ đầu tư phát triển (10%)	
-Lợi nhuận còn lại đến 30/06/2013.	-28.213.787.533

30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**Năm nay (Quý II/2013)****Năm trước (Quý II/2012)**

-Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-2.300.212.876	-3.649.021.963
-Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.748.270	2.748.270
-Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-837	-1.328

31 - Chi phí sản xuất , kinh doanh theo yếu tố**Năm nay (Quý II/2013)****Năm trước (Quý II/2012)**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.978.618.334	6.267.997.233
- Chi phí nhân công	592.417.759	705.017.037
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	549.702.396	607.305.445
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.430.522	287.413.231
- Chi phí khác bằng tiền	707.556.183	2.597.289.249

Cộng**6.212.725.194****10.465.022.195****VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

- 32 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc 30/06/2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 16/07/2013.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lập ngày 16 tháng 07 năm 2013

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Phan Văn Vàng


Vũ Xuân Mạch




Phạm Văn Tiến